

Bản án số: 14/2019/HNGĐ-PT

Ngày: 10-4-2019

V/v tranh chấp ly hôn,
nuôi con và chia tài sản

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH VĨNH LONG**

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Hữu Tuấn

Các Thẩm phán: Ông Lê Thành Tân
Bà Sơn Nữ Phà Ca

- Thư ký phiên tòa: Ông Thái Thành Đạt – Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh
Vĩnh Long.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Vĩnh Long: Bà Nguyễn Thị Ngọc
Thúy – Kiểm sát viên tham gia phiên tòa.

Ngày 10 tháng 4 năm 2019 tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Vĩnh Long xét
xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số: 06/2019/TLPT – HNGĐ ngày 11 tháng
02 năm 2019 về: “Tranh chấp ly hôn, nuôi con và chia tài sản”.

Do Bản án dân sự sơ thẩm số: 105/2018/HNGĐ-ST ngày 29 tháng 11 năm
2018 của Tòa án nhân dân huyện V, tỉnh Vĩnh Long bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 13/2019/QĐ-PT ngày
01 tháng 3 năm 2019, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Chị Đào Thị Kim L; nơi cư trú: Ấp T, thị trấn V, huyện V,
tỉnh Vĩnh Long.

- *Bị đơn:* Anh Nguyễn Thanh H; nơi cư trú: Khóm M, thị trấn V, huyện V,
tỉnh Vĩnh Long.

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:*

1. Ngân hàng N.

Trụ sở: D, quận B, Thành phố Hà Nội.

Người đại diện theo pháp luật: Ông Trịnh Ngọc K – Chủ tịch Hội đồng
thành viên.

Người đại diện theo ủy quyền của ông Trịnh Ngọc K: Ông Mai Hữu P – Giám đốc Ngân hàng N chi nhánh huyện V, tỉnh Vĩnh Long (Theo văn bản ủy quyền số 510/QĐ-HĐTV-PC ngày 19/6/2014).

Người đại diện theo ủy quyền của ông Mai Hữu P: Ông Nguyễn Trọng C; nơi cư trú: Khóm M, thị trấn V, huyện Vũng Liêm, tỉnh Vĩnh Long (Theo văn bản ủy quyền ngày 13/8/2018).

2. Ông Trịnh Phúc H1; nơi cư trú: Khóm M, thị trấn V, huyện V, tỉnh Vĩnh Long.

- *Người làm chứng:*

1. Bà Trần Thị C1; nơi cư trú: Ấp A, xã I, thị xã G, tỉnh Tiền Giang.

2. Bà Nguyễn Thị Kim L1; nơi cư trú: Ấp R, thị trấn V, huyện V, tỉnh Vĩnh Long.

- *Người kháng cáo:* Chị Đào Thị Kim L – Là nguyên đơn.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 06/11/2017 và trong quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn chị Đào Thị Kim L trình bày:

Chị và anh Nguyễn Thanh H kết hôn vào năm 2002 và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân thị trấn V vào ngày 10/5/2005. Sau khi kết hôn vợ chồng chung sống được vài tháng thì anh H đi làm ở Thành phố Hồ Chí Minh, chị sống ở gia đình chồng. Đến năm 2007, chị lên Thành phố Hồ Chí Minh làm được một năm rồi về. Thời gian sau vợ chồng chung sống không có hạnh phúc, do anh H không quan tâm đến vợ con mà có quan hệ với người phụ nữ khác vì vậy hai người đã ly thân từ năm 2017 đến nay. Chị yêu cầu được ly hôn với anh Nguyễn Thanh H.

Về con chung: Chị và anh H có một con chung tên Nguyễn Thanh H1 sinh ngày 28 tháng 11 năm 2003. Hiện nay cháu đang sống với chị, chị yêu cầu được tiếp tục nuôi dưỡng cháu H1 và yêu cầu anh H cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng 650.000 đồng.

Về tài sản chung của vợ chồng: Có một chiếc xe hiệu PIAGGIO biển số 64D1-35366 do chị đứng tên quyền sở hữu và đang quản lý, xe trị giá 25.000.000 đồng. Chị yêu cầu được sở hữu và hoàn trả cho anh H $\frac{1}{2}$ giá trị chiếc xe bằng 12.500.000 đồng.

Về nợ chung của vợ chồng: Chị L không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ riêng: Vào năm 2017 chị có thể chấp thừa đất số 400, diện tích 460,5m² tờ bản đồ số 14 tọa lạc ấp S, xã Q, huyện V, tỉnh Vĩnh Long do chị đứng tên giấy chứng nhận quyền sử dụng đất để vay số tiền 50.000.000 đồng của Ngân hàng N chi nhánh huyện V, mục đích chị vay vốn để mua bán. Khi chị vay vốn

anh H không biết. Ngân hàng yêu cầu chị trả số tiền vay vốn 50.000.000 đồng và tiền lãi phát sinh cho đến khi trả hết số tiền vay, chị đồng ý giao phần đất mà chị đã thế chấp để xử lý thu hồi nợ.

Tại bản khai ý kiến ngày 01/12/2017 và quá trình giải quyết vụ án bị đơn anh Nguyễn Thanh H trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Anh thống nhất theo lời trình bày của chị L về việc kết hôn, chị L yêu cầu ly hôn, anh đồng ý.

Về con chung: Anh và chị L có một con chung tên Nguyễn Thanh H2, sinh ngày 28 tháng 11 năm 2003. Hiện nay cháu H2 đang sống với chị L, chị L yêu cầu được tiếp tục nuôi dưỡng cháu H2 và yêu cầu anh cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng 650.000 đồng, anh đồng ý.

Về tài sản chung của vợ chồng gồm có:

- Một chiếc xe PIAGGIO biển số 64D-35366, do chị L đứng tên và quản lý. Chị L định giá chiếc xe 25.000.000 đồng, anh thống nhất và đồng ý nhận lại $\frac{1}{2}$ giá trị chiếc xe bằng 12.500.000 đồng, giao xe cho chị L được quyền sở hữu.

- Thửa đất số 329 diện tích 75,8m² và thửa đất số 469 diện tích 38,1m² cùng tọa lạc ấp Đ, thị trấn V, huyện V, tỉnh Vĩnh Long do chị L đứng tên giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Nguồn gốc hai thửa đất trên do vợ chồng nhận chuyển nhượng vào năm 2012, trong đó thửa đất số 329 của Nhà nước hóa giá, còn thửa đất số 469 nhận chuyển nhượng của chị Nguyễn Thị Kim L1, giá chuyển nhượng của hai thửa đất anh không nhớ nhưng tiền nhận chuyển nhượng đất là của vợ chồng vì thời điểm đó anh phải đi làm ở Thành phố Hồ Chí Minh nên chị L nhận chuyển nhượng và đứng tên. Đến năm 2017 thì chị L đã chuyển nhượng toàn bộ hai thửa đất trên cho chị Nguyễn Thị Kim L1 là chị ruột của anh với giá là 300.000.000 đồng, toàn bộ tiền chuyển nhượng đất, chị L quản lý. Anh yêu cầu chia $\frac{1}{2}$ số tiền này cho mỗi người hưởng 150.000.000 đồng.

- Thửa đất số 400, diện tích 460,5m² tờ bản đồ số 14 tọa lạc ấp S, xã Q, huyện V, tỉnh Vĩnh Long do chị L đứng tên giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Nguồn gốc đất do nhận chuyển nhượng của bà Nguyễn Thị H3 vào năm 2014 với giá 40.000.000 đồng, tiền nhận chuyển nhượng là của vợ chồng. Anh thống nhất giá đất và tài sản trên đất theo Hội đồng định giá 56.406.000 đồng, anh yêu cầu chia $\frac{1}{2}$ giá trị tài sản, cho mỗi người hưởng 28.203.000 đồng.

Về nợ chung phải thu, phải trả của vợ chồng: Anh không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ riêng: Chị L có thể chấp thửa đất số 400, diện tích 460,5m² tờ bản đồ số 14, tọa lạc ấp S, xã Q, huyện V, tỉnh Vĩnh Long để vay Ngân hàng N nhánh huyện V, tỉnh Vĩnh Long số tiền 50.000.000 đồng. Chị L yêu cầu anh cùng có trách nhiệm trả nợ cho Ngân hàng, anh không đồng ý vì chị L vay tiền để sử dụng riêng, anh không biết.

Tại đơn kiện ngày 28/5/2018 và quá trình giải quyết vụ án, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan Ngân hàng N do ông Nguyễn Trọng C đại diện trình bày:

Chị L vay của Ngân hàng số tiền 50.000.000 đồng, có thế chấp thửa đất số 400, diện tích 460,5m² tờ bản đồ số 14, tọa lạc ấp S, xã Q, huyện V, tỉnh Vĩnh Long theo hợp đồng tín dụng số 7303LAV201707717 ngày 10/10/2017. Do sổ hộ khẩu gia đình và giấy chứng nhận quyền sử dụng đất thửa 400 chị L đứng tên nên Ngân hàng cho chị L vay vốn, mục đích vay chăn nuôi bò, thời hạn vay 24 tháng từ ngày 10/10/2017 đến ngày 8/10/2019. Lãi suất cho vay có điều chỉnh định kỳ 06 tháng/lần, lãi suất tại thời điểm ký hợp đồng tín dụng 11%/năm, lãi suất quá hạn bằng 150% lãi suất trong hạn. Chị L và anh H tranh chấp ly hôn và chia tài chung là thửa đất số 400 nên Ngân hàng yêu cầu chị Đào Thị Kim L phải trả số tiền vay gốc 50.000.000 đồng, trả lãi đến ngày xét xử sơ thẩm 916.667 đồng, tổng cộng vốn lãi là 50.916.667 đồng và yêu cầu tiếp tục tính lãi đến ngày trả hết nợ vay. Trường hợp chị L không trả được nợ vay thì Ngân hàng được quyền yêu cầu phát mãi tài sản thế chấp để thu hồi nợ.

Tại bản tự khai ngày 03/7/2018 và quá trình giải quyết vụ án người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan anh Trịnh Phúc H1 trình bày: Anh và chị L, anh H là bạn bè nên chị L, anh H có cho anh cất tạm một căn nhà kết cấu cột gỗ, nền cát, vách tôn, mái lợp tôn diện tích 15,12m² để quay heo. Căn nhà tạm của anh không còn giá trị. Chị L và anh H ly hôn và chia tài sản chung là thửa đất có căn nhà tạm của anh đang sử dụng, anh đồng tháo dỡ, di dời căn nhà tạm để trả lại đất cho anh H, chị L.

Tại Bản án dân sự sơ thẩm số 105/2018/HNGĐ-ST ngày 29 tháng 11 năm 2018 của Tòa án nhân dân huyện V, tỉnh Vĩnh Long đã quyết định như sau:

Căn cứ vào Khoản 1 Điều 28, Khoản 1 Điều 35, Khoản 1 Điều 39, Điều 147, Điều 229 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 9, Khoản 2 Điều 33, Khoản 3 Điều 34, Điều 51, Điều 53, Điều 55, Điều 58, Điều 59, Điều 62, Điều 81, Điều 82, Điều 83, Điều 84, Điều 110 Luật Hôn nhân và Gia đình; Điều 163, Điều 164, Điều 165, Điều 166, Điều 463, Điều 464, Điều 466, Điều 468, Điều 470 Bộ luật dân sự; Điểm a, b Khoản 5 Điều 27 Nghị Quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên xử: Chấp nhận một phần yêu cầu của chị Đào Thị Kim L. Chấp nhận yêu cầu phản tố của Nguyễn Thanh H.

Về hôn nhân: Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa chị Đào Thị Kim L và anh Nguyễn Thanh H.

Về con chung: Chị Đào Thị Kim L và anh Nguyễn Thanh H có một con chung tên Nguyễn Thanh H2, sinh ngày 28/11/2003. Giao cháu Nguyễn Thanh H2 cho chị Đào Thị Kim L trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục. Buộc anh Nguyễn Thanh H có nghĩa vụ cấp dưỡng cho cháu Nguyễn Thanh H mỗi tháng

650.000 đồng (sáu trăm năm mươi ngàn đồng). Người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

Cha, mẹ không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con; thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người đó.

Về tài sản chung: Ghi nhận sự thỏa thuận của chị Đào Thị Kim L và anh Nguyễn Thanh H. Giao chiếc xe hiệu PIAGGIO biển số 64D1-35366 cho chị Đào Thị Kim L được quyền sở hữu. Chị Đào Thị Kim L có nghĩa vụ thanh toán lại anh Nguyễn Thanh H $\frac{1}{2}$ giá trị chiếc xe là 12.500.000 đồng (mười hai triệu năm trăm nghìn đồng). Anh Nguyễn Thanh H được quyền sở hữu số tiền 12.500.000 đồng (mười hai triệu năm trăm nghìn đồng) do chị Đào Thị Kim L giao lại.

Buộc chị Đào Thị Kim L có nghĩa vụ thanh toán lại anh Nguyễn Thanh H $\frac{1}{2}$ số tiền chuyển nhượng 02 phần đất cho chị Nguyễn Thị Kim L 1 phần đất ở tại đô thị thửa 329 diện tích 75,8m² và phần đất ở tại đô thị thửa 469 diện tích 38,1m² cùng tọa lạc ấp Đ, thị trấn V, huyện V, tỉnh Vĩnh Long số tiền là 150.000.000 đồng (một trăm năm mươi triệu đồng). Chị Đào Thị Kim L được quyền sở hữu $\frac{1}{2}$ số tiền chuyển nhượng đất bằng 150.000.000 đồng (một trăm năm mươi triệu đồng). Anh Nguyễn Thanh H được quyền sở hữu số tiền 150.000.000 đồng do chị Đào Thị Kim L giao lại.

Buộc chị Đào Thị Kim L giao $\frac{1}{2}$ giá trị phần đất trồng cây lâu năm diện tích đất theo đo đạc là 446,5m² tách thửa 400-1, tờ bản đồ số 14 tọa lạc ấp S, xã Q, huyện V, tỉnh Vĩnh Long cho anh H với số tiền là 28.203.000 đồng (hai mươi tám triệu hai trăm lẻ ba nghìn đồng). Chị Đào Thị Kim L được quyền quản lý, sử dụng phần đất trồng cây lâu năm, diện tích đất theo đo đạc là 446,5m² tách thửa 400-1, tờ bản đồ số 14 tọa lạc ấp S, xã Q, huyện V, tỉnh Vĩnh Long và toàn bộ cây trồng trên đất gồm 08 (tám) cây xoài, 06 (sáu) cây dừa, 07 (bảy) cây bưởi, 02 (hai) cây mít, 01 (một) cây sakê, 01 (một) cây gừa và vật kiến trúc trên đất là hàng rào trụ bê tông cốt thép rào lưới B40, dài 96,69m, cao 1,8m.

Trên phần đất có căn nhà cột gỗ, nền cát, vách tôn, mái lợp tôn diện tích 15,12m² của anh Trịnh Phúc H1 cất tạm trên đất. Anh Trịnh Phúc H1 sẽ di dời căn nhà đi nơi khác khi chị Đào Thị Kim L và anh Nguyễn Thanh H có yêu cầu, anh không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

Kể từ ngày người được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án mà người phải thi hành án chưa thi hành xong thì hàng tháng người phải thi hành án còn phải trả lãi theo mức lãi suất cơ bản theo quy định tại Khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015.

- Về nợ chung phải thu phải trả của vợ chồng: Chị Đào Thị Kim L và anh Nguyễn Thanh H không yêu cầu Tòa án giải quyết, nên Hội đồng xét xử không xem xét.

- Về nợ riêng phải trả: Chấp nhận yêu cầu của Ngân hàng N- Vĩnh Long – Chi nhánh huyện Vũng Liêm do ông Nguyễn Trọng C đại diện theo ủy quyền. Buộc chị Đào Thị Kim L có nghĩa vụ thanh toán tiền vay cho Ngân hàng chi nhánh huyện V tiền vốn 50.000.000 đồng, lãi tính đến ngày 29/11/2018 là 916.667 đồng. Tổng cộng vốn và lãi là 50.916.667 đồng. Ngân hàng N chi nhánh huyện V được quyền tính lãi liên tục theo hợp đồng tín dụng ngày 10/10/2017 đối với số tiền vốn 50.000.000 đồng cho khi thu hồi hết nợ.

Về chi phí khảo sát đo đạc, định giá là: 1.858.900 đồng buộc chị Đào Thị Kim L phải chịu 929.450 đồng và anh Nguyễn Thanh H phải chịu 929.450 đồng. Anh Nguyễn Thanh H đã nộp số tiền 1.858.900 đồng. Buộc chị Đào Thị Kim L có nghĩa vụ hoàn trả cho anh Nguyễn Thanh H số tiền 929.450 đồng.

Về án phí dân sự sơ thẩm:

Chị Đào Thị Kim L phải nộp 300.000 đồng tiền án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm và 12.080.000 đồng tiền án phí dân sự sơ thẩm. Số tiền trên được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí là 300.000 đồng mà chị Đào Thị Kim L đã nộp theo biên lai thu số 8446 ngày 09/11/2017 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện V. Buộc chị Đào Thị Kim L phải nộp thêm số tiền 12.080.000 đồng.

Anh Nguyễn Thanh H phải nộp 300.000 đồng tiền án phí dân sự sơ thẩm về cấp dưỡng nuôi con và 9.535.000 đồng tiền án phí dân sự sơ thẩm về chia tài sản chung. Số tiền trên được trừ vào số tiền tạm ứng án phí là 6.750.000 đồng mà anh Nguyễn Thanh H đã nộp theo biên lai thu số 0008682 ngày 01/3/2018 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện V. Buộc anh Nguyễn Thanh H phải nộp thêm số tiền 3.085.000 đồng.

Ngân hàng N chi nhánh huyện V không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm. Hoàn trả lại cho Ngân hàng N chi nhánh huyện V số tiền 1.273.000 đồng tiền tạm ứng án phí theo biên lai thu số 8958 ngày 31 tháng 5 năm 2018 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện V.

Ngày 10/12/2018 nguyên đơn Đào Thị Kim L kháng cáo bản án sơ thẩm với nội dung: Tòa án cấp sơ thẩm buộc chị chia $\frac{1}{2}$ giá trị thửa đất số 329, diện tích 75,8m², loại đất ở đô thị, thửa 469, diện tích 38,1m², loại đất ở đô thị và thửa 400-1 diện tích 446,5m², loại đất trồng cây lâu năm, chị không đồng ý. Yêu cầu Tòa án cấp phúc thẩm công nhận thửa đất số 329, diện tích 75,8m², loại đất ở đô thị, thửa 469, diện tích 38,1m², loại đất ở đô thị và thửa 400-1 diện tích 446,5m², loại đất trồng cây lâu năm là tài sản riêng của chị. Yêu cầu Tòa án cấp phúc thẩm buộc anh H phải cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng 2.000.000 đồng, thời gian cấp dưỡng 48 tháng. Yêu cầu xác định số nợ Ngân hàng N là nợ chung của vợ chồng.

Tại phiên tòa phúc thẩm: Chị L giữ nguyên yêu cầu kháng cáo.

Vị Kiểm sát viên - Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Vĩnh Long phát biểu việc tuân theo pháp luật trong quá trình giải quyết vụ án và đề nghị chấp nhận một phần yêu cầu kháng cáo của chị L và sửa bản án sơ thẩm về việc tăng

mức cấp dưỡng nuôi con, xác định số nợ của Ngân hàng N là nợ chung của vợ chồng. Chia đôi mỗi người phải chịu trách nhiệm trả $\frac{1}{2}$. Các phần khác giữ nguyên bản án sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Chị Đào Thị Kim L và anh Nguyễn Thanh H kết hôn vào năm 2005 có đăng ký tại Ủy ban nhân dân thị trấn V, huyện V. Vợ chồng đã có thời gian dài chung sống hạnh phúc sau đó phát sinh mâu thuẫn, chị và anh H ly thân từ năm 2017 cho đến nay. Về quan hệ hôn nhân, cấp sơ thẩm công nhận thuận tình ly hôn giữa chị L và anh H, về tài sản giao chiếc xe hiệu PIAGGIO biển số 64D1-35366 cho chị Đào Thị Kim L được quyền sở hữu. Chị Đào Thị Kim L có nghĩa vụ thanh toán lại anh Nguyễn Thanh H $\frac{1}{2}$ giá trị chiếc xe bằng 12.500.000 đồng, các phần này không có kháng cáo, kháng nghị nên đã có hiệu lực pháp luật.

[2] Xét kháng cáo của chị L yêu cầu tăng mức cấp dưỡng nuôi con, nhận thấy tại Khoản 2 Điều 82 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014 quy định người không trực tiếp nuôi dưỡng con phải có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con; đây là trách nhiệm của cha mẹ đối với con cái. Tại phiên tòa phúc thẩm, chị L và anh H thỏa thuận, anh H cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng 1.500.000 đồng, thời gian cấp dưỡng được tính từ ngày tuyên án sơ thẩm, nhận thấy sự thỏa thuận của các đương sự về mức cấp dưỡng nuôi con phù hợp với quy định của pháp luật và không trái đạo đức xã hội nên được chấp nhận.

[3] Về tài sản chung chị L kháng cáo cho rằng thửa đất số 329, diện tích 75,8m², loại đất ở đô thị, thửa đất số 469, diện tích 38,1m², loại đất ở đô thị và thửa đất số 400-1 diện tích 446,5m², loại đất trồng cây lâu năm là tài sản riêng của chị, do chị nhận chuyển nhượng và đứng tên, nguồn tiền do vay mượn của cha mẹ chị. Nhận thấy các thửa đất trên do chị L nhận chuyển nhượng trong thời kỳ hôn nhân, tại biên bản hòa giải ngày 27/11/2017 chị thừa nhận đây là tài sản chung của vợ chồng, mặt khác chị còn trình bày nguồn tiền do chị vay mượn của cha mẹ chị nhưng lời khai của cha mẹ chị có nhiều mâu thuẫn và không khách quan. Cấp sơ thẩm đã xác định đây là tài sản chung của vợ chồng theo quy định tại Điều 33 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014 là có căn cứ và chia đôi cho mỗi người hưởng $\frac{1}{2}$, trong đó chị L nhận bằng hiện vật và phải hoàn trả trị giá tài sản cho anh H là phù hợp.

[4] Đối với số tiền vay 50.000.000 đồng của Ngân hàng N, do chị L vay, chị thừa nhận chị sử dụng số tiền này, khi vay anh H không biết, cấp sơ thẩm xác định đây là nợ riêng của chị L và buộc chị phải trả nợ vốn và lãi cho Ngân hàng, nếu chị không trả thì xử lý tài sản thế chấp là có căn cứ.

[5] Xét thấy phát biểu của Kiểm sát viên đề nghị sửa bản án sơ thẩm đối với phần cấp dưỡng nuôi con và giữ nguyên phần chia tài sản của bản án sơ thẩm

là phù hợp với nhận định trên nên được chấp nhận. Riêng phần đề nghị xác định số tiền 50.000.000 đồng là nợ chung của vợ chồng, như đã nhận định ở phần trên đây là nợ riêng của chị L, anh H không biết, vì vậy đề nghị của Kiểm sát viên đối với phần này là không có căn cứ chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ Khoản 2 Điều 308, Khoản 1 Điều 309 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

Chấp nhận một phần yêu cầu kháng cáo của chị Đào Thị Kim L về việc tăng mức cấp dưỡng nuôi con; không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của chị Đào Thị Kim L về phần tài sản.

Áp dụng Điều 58, 59, 60, 62, Điều 81, Điều 82, Điều 83, Điều 110 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014; Khoản 5 Điều 27, Khoản 2 Điều 29 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Về con chung: Giao cháu Nguyễn Thanh H2 sinh ngày 28/11/2003, hiện nay do chị Loan nuôi dưỡng cho chị Đào Thị Kim L tiếp tục nuôi dưỡng. Công nhận sự thỏa thuận giữa chị Đào Thị Kim L và anh Nguyễn Thanh H về việc: Anh Nguyễn Thanh H có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi cháu Nguyễn Thanh H2 mỗi tháng 1.500.000 đồng, thời gian cấp dưỡng được tính từ ngày tuyên án sơ thẩm cho đến khi cháu H2 đủ 18 tuổi. Anh H có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

2. Về tài sản chung:

- Buộc chị Đào Thị Kim L có nghĩa vụ thanh toán cho anh Nguyễn Thanh H được hưởng $\frac{1}{2}$ số tiền chuyển nhượng quyền sử dụng đất cho chị Nguyễn Thị Kim L1 gồm: Thửa đất 329 diện tích 75,8m² và thửa đất 469 diện tích 38,1m², loại đất ở đô thị, cùng tọa lạc tại ấp Đ, thị trấn V, huyện V, tỉnh Vĩnh Long bằng 150.000.000 đồng (một trăm năm mươi triệu đồng). Chị Đào Thị Kim L được hưởng $\frac{1}{2}$ số tiền chuyển nhượng quyền sử dụng đất bằng 150.000.000 đồng (một trăm năm mươi triệu đồng).

- Buộc chị Đào Thị Kim L có nghĩa vụ thanh toán $\frac{1}{2}$ giá trị phần đất trồng cây lâu năm diện tích đất theo đo đạc 446,5m² thuộc tách thửa 400-1, tờ bản đồ số 14 tọa lạc ấp S, xã Q, huyện V, tỉnh Vĩnh Long cho anh H được hưởng số tiền bằng 28.203.000 đồng (hai mươi tám triệu hai trăm lẻ ba nghìn đồng). Chị Đào Thị Kim L được quyền sử dụng phần đất trồng cây lâu năm, diện tích đất theo đo đạc là 446,5m² thuộc tách thửa 400-1, tờ bản đồ số 14 tọa lạc ấp S, xã Q, huyện V, tỉnh Vĩnh Long, được quyền sở hữu toàn bộ cây trồng trên đất gồm 08 (tám) cây xoài, 06 (sáu) cây dừa, 07 (bảy) cây bưởi, 02 (hai) cây mít, 01 (một) cây sakê, 01

(một) cây gừa cùng vật kiến trúc trên đất là hàng rào trụ bê tông cốt thép rào lưới B40, dài 96,69m, cao 1,8m.

- Chấp nhận yêu cầu của Ngân hàng N. Buộc chị Đào Thị Kim L có nghĩa vụ thanh toán tiền vay cho Ngân hàng N số tiền vốn 50.000.000 đồng, tiền lãi tính đến ngày 29/11/2018 là 916.667 đồng.

Ngân hàng N được quyền tính lãi tiếp theo kể từ ngày tuyên án sơ thẩm, lãi suất theo thỏa thuận trong hợp đồng tín dụng ngày 10/10/2017 đối với số tiền vốn 50.000.000 đồng cho khi thu hồi hết nợ.

3. Chị L không phải chịu án phí dân sự phúc thẩm, hoàn trả cho chị L 300.000 đồng tạm ứng án phí theo biên lai thu số 9426 ngày 11/12/2018 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện V, tỉnh Vĩnh Long.

4. Các quyết định khác của bản án sơ thẩm về quan hệ hôn nhân, chia chiếc xe mô tô, chi phí đo đạc, định giá, án phí sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị phúc thẩm có hiệu lực pháp luật thi hành.

Kể từ ngày người có quyền có đơn yêu cầu thi hành án cho đến khi thi hành án xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất 10%/năm, tương ứng với thời gian chưa thi hành án theo quy định tại Khoản 2 Điều 357 của Bộ luật Dân sự năm 2015.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành án theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- TANDTC: 01b;
- VKSNDTVL: 02b;
- CA: 01b;
- TAND HV: 01b;
- Chi cục HV: 01b;
- UBND TTV: 01b;
- Đ/s: 04b;
- Lưu hồ sơ vụ án: 06b.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Hữu Tuấn